

Bản án số: **195/2019/HC-PT**

Ngày: 28-10-2019

V/v “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên cao cấp.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 211/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 9 năm 2019 về: “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số bản án sơ thẩm số: 11/2019/HC-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1389/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Thùy L** – Luật sư, Công ty Luật TNHH C, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Giang N** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1; địa chỉ: Thị trấn B1, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện B1: Ông **Nguyễn Tấn H** - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi và ông **Nguyễn Văn S** – Trưởng phòng tư pháp huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; đều có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi - Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND xã B, huyện B1: Ông **Nguyễn Thế T** – Phó chủ tịch xã B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Đinh Thị H1**, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/12/2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị U trình bày:

Ngày 07/7/2016 Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị U về hành vi lấn, chiếm đất đai. Do không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã B. Bà Nguyễn Thị U đã có đơn khiếu nại. Ngày 25/11/2016, Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định số 168/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại cho bà U. Nhưng bà U không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã B. Vì vậy, bà Nguyễn Thị U đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B1. Ngày 08/8/2017 Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1609/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà U. Tiếp đến, ngày 30/11/2017, Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Không đồng ý với các Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016; Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 25/11/2016; Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 150/QĐ-CCXP ngày 30/11/2017 của Chủ tịch UBND xã B và của Chủ tịch UBND huyện B1.

Ngày 26/11/2018 bà Nguyễn Thị U đã khởi kiện đến ra Tòa án và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy các quyết định nêu trên.

Căn cứ bà yêu cầu hủy các quyết định:

Năm 1979 bà cùng ông Đinh Công S1 là chồng bà rời quê hương Hà Nam vào Thôn G, xã B được ông Đinh Văn T1 (nguyên là Chủ tịch xã B) giao thửa đất này để khai hoang đất đai và xây dựng nhà để sinh sống và lập nghiệp. Khi đó khu vực này rất hoang vu, hẻo lánh chủ yếu là rừng rậm, bom mìn, phế tích chiến tranh thời Mỹ để lại.

Năm 1989 gia đình bà đã xây dựng nhà cấp 4 để làm máy xay xát gạo tại vị trí phía trước của thửa đất (có các hộ lân cận sinh sống gần đó biết sự việc này). Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, năm 2000 gia đình bà đã bán 01 xác nhà xay xát lúa gạo cho ông Đinh Văn Th. Vì phần đất bên ngoài thấp hơn phần đất bên trong nên mùa mưa hay bị ngập úng nên không thể trồng cây hoa màu được nên phần đất bên ngoài được các thanh niên trong làng thường tụ tập đá bóng. Năm 2006 để thực hiện dự án Sân vận động B, thửa đất của gia đình bà được lập biên bản kiểm kê, bồi thường cho hộ bà nhưng vì dự án không thực hiện nên không thu hồi đất và bồi thường cho bà.

Năm 2015 gia đình bà đã xây dựng 01 ngôi nhà bên trong thửa đất để sinh sống và 01 ngôi nhà bên ngoài thửa đất để kinh doanh và buôn bán do con gái bà là chị Đinh Thị H1 buôn bán. Gia đình bà đã khai hoang và sử dụng thửa đất ổn định và liên tục từ năm 1979 mãi cho đến nay, gia đình đã có đơn gửi cơ quan chính quyền địa phương để công nhận quyền sử dụng thửa đất cho gia đình nhưng không được giải quyết (nay là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 28 bản đồ Vlap 2011 - 2012).

Vì vậy, bà khẳng định bà không có hành vi lấn chiếm đất đai như Chủ tịch UBND xã B đã ra quyết định xử phạt đối với bà, vì toàn bộ thửa đất nêu trên là của gia đình bà do gia đình bà khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1979 cho đến nay. Ngoài ra, sự việc của gia đình bà vào năm 2011 thì UBND xã B đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà nhưng đến năm 2016 thì Chủ tịch UBND xã mới ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà (là 05 năm) là quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính đối với bà. Việc cưỡng chế ngày 28/12/2017 của UBND xã B đập phá toàn bộ ngôi nhà bên ngoài thửa đất do con gái của bà là Đinh Thị H1 kinh doanh, buôn bán tạp hóa và tạm giữ toàn bộ vật dụng của con gái bà. UBND xã B đã chặt cây, đập phá cổng ngõ và đường bê tông của gia đình bà, làm thiệt hại đến gia đình bà rất lớn (*cụ thể tài sản bị cưỡng chế gồm: Cổng ngõ xây dựng bằng trụ bê tông, rào sắt. Hàng rào lưới 40, hàng rào bằng gỗ, đường bê tông, cây keo trồng trên đất và nhiều loại cây khác. Trụ điện bê tông, bị giéng 07 cái; trang thờ, mái hiên trụ sắt, đà sắt, lợp tôn..*).

Chủ tịch UBND xã B, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy các quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016;

Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 25/11/2016; Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 150/QĐ-CCXP ngày 30/11/2017.

Tại văn bản số 19/UBND ngày 28/02/2019 và tại phiên tòa Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B trình bày:

Năm 2011 bà Nguyễn Thị U chiếm đất Sân vận động xã B để trồng keo. UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính về việc lấn chiếm đất trái phép tại biên bản số 04/BB-VPHC ngày 10/8/2011; Biên bản tịch thu tang vật số 01/BB-TTTV-PT ngày 29/11/2011; Quyết định tịch thu tang vật số 01/QĐ-TTTV ngày 29/11/2011. UBND xã B đã nhiều lần mời hộ lấn chiếm đất sân vận động xã B để làm việc cụ thể. Việc UBND xã không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào thời điểm năm 2011 đối với bà U vì trong quá trình vận động tuyên truyền bà U cho rằng sẽ khai thác keo và trả lại đất. Năm 2016 bà Nguyễn Thị U chiếm đất sân vận động để làm vườn ươm và trồng cây keo.

Thửa đất bà U chiếm để làm vườn ươm và trồng keo được quy hoạch xây dựng Sân vận động xã B (nay là thửa đất 118 tờ bản đồ số 28 đo VLAP năm 2011-2012) được quy hoạch tại Quyết định số 3331/QĐ-UB ngày 20/11/1996 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Trung tâm Thị Tứ B. Ngày 13/9/2002, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2544/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất phục vụ sự nghiệp Thể dục thể thao trong đó có sân vận động B, với diện tích 9.550m² gồm có 01 phần đất là đất sân vận động và 01 phần đất của các hộ dân đang sử dụng như hộ bà Nguyễn Thị U đang sử dụng thửa đất 108, tờ bản đồ số 28.

Vì vậy việc ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện của Chủ tịch UBND xã là đúng thẩm quyền, đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Mặc dù chính quyền địa phương đã thường xuyên tổ chức vận động, tuyên truyền kịp thời thông báo và yêu cầu bà Nguyễn Thị U dừng hành vi vi phạm ngay từ đầu, nhưng bà U vẫn cố tình tiếp diễn vi phạm. Hành vi của bà gây bức xúc cho nhân dân, để kịp thời chấn chỉnh vì vậy Chính quyền phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản số 247/UBND ngày 01/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 trình bày:

Năm 2011 bà Nguyễn Thị U chiếm đất Sân vận động xã B để trồng keo. UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính về việc lấn chiếm đất trái phép tại biên bản số 04/BB-VPHC ngày 10/8/2011; Biên bản tịch thu tang vật số 01/BB-TTTV-PT ngày 29/11/2011; Quyết định tịch thu tang vật số 01/QĐ-TTTV ngày 29/11/2011. UBND xã B đã nhiều lần mời hộ lấn chiếm đất sân vận động xã B để làm việc cụ thể. Việc UBND xã không tiến hành lập biên bản đối với bà U vì trong quá trình vận động tuyên truyền bà U cho rằng sẽ khai thác keo và trả lại đất.

Năm 2016, bà U đã khai thác keo mà bà chiếm năm 2011 và tiếp tục xây dựng nhà. Ngày 25/01/2016 UBND xã lập biên bản với bà U đình chỉ xây dựng vì lúc này bà U đang xây móng nhà. Tuy nhiên, bà U vẫn cố tình vi phạm và xây dựng nhà trên đất Sân vận động. Sau khi UBND xã B mời bà U lên làm việc thì bà U khai là toàn bộ vật dựng, tài sản công trình xây dựng trên đất là của bà Đinh Thị H1 chứ không phải của bà U. Ngày 13/6/2016, UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà U. Ngày 07/7/2016, Chủ tịch UBND xã B ban hành quyết định số 100/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt bà U có hành vi lấn, chiếm đất sân vận động để làm vườn ươm và trồng cây keo, vi phạm tại khoản 2 Điều 10 Nghị Định số 102/2014/NĐ-CP. Phạt 5.000.000đồng (năm triệu đồng) buộc khôi phục lại trình trạng của đất trước khi vi phạm.

Bà không đồng ý với quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016, bà đã có đơn khiếu nại khiếu nại. Ngày 25/11/2016, Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định số 168/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại cho bà U. Nhưng bà U vẫn không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B1. Ngày 08/8/2017 Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1609/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại cho bà U. Ngày 30/11/2017, Chủ tịch UBND xã B đã ban hành Quyết định số 150/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Về hồ sơ địa chính: Theo Quyết định số 3331/QĐ-UB ngày 20/11/1996 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Trung tâm Thị Tứ B1, vị trí này quy hoạch đất sân vận động. Ngày 13/9/2002, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 2544/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất phục vụ sự nghiệp Thể dục thể thao tỉnh Quảng Ngãi trong đó có sân vận động B với diện tích 9.550m² gồm có 01 phần đất là đất sân vận động và 01 phần đất của các hộ dân đang sử dụng như hộ bà Nguyễn Thị U, hộ ông Nguyễn Đình Lam, hộ ông Lê Văn Dũng.

Theo quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 13/6/1997 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt quy hoạch đất Quốc phòng do Quân đội huyện B1 quản lý. Theo Chỉ thị số 31/2007 ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính Phủ, tổng diện tích quy hoạch sân vận động là 10.499.4m². Trong đó hiện trạng đất trống (Sân vận động 5.193.6m² và đất của các hộ đang sử dụng là 5.305.8m²). Ngoài ra ảnh được chụp từ vệ tinh thể hiện trên phần mềm Google chụp 17/02/2011 thể hiện sân vận động và có ranh giới rõ ràng giữa sân vận động xã B và thửa đất bà U đang sử dụng.

Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại cho bà Nguyễn Thị U là đúng pháp luật. yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U, đề nghị TAND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H1 trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Ngoài ra, bà trình bày

bổ sung, tài sản trên thửa đất bị UBND xã B tiến hành cưỡng chế là nhà tạm để kinh doanh, buôn bán là của bà Nguyễn Thị U xây dựng, còn các loại tài sản bị tạm giữ khi thực hiện việc cưỡng chế là của bà.

Với nội dung như trên, tại bản án sơ thẩm số: 11/2019/HC-ST ngày: 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 6; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 5 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U; tuyên hủy toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 150/QĐ-CCXP ngày 30/11/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã B và Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B1.

Ngoài ra quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20 và ngày 21 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch UBND huyện B1 và Chủ tịch UBND xã B kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm do nhận định thiếu khách quan và đề nghị hủy án. Ngày 20 tháng 5 năm 2019 kháng cáo bổ sung cho rằng việc thụ lý quá thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- **Luật sư Nguyễn Thị Thùy L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:** Về nguồn gốc của thửa đất số 118, tờ bản đồ 08, diện tích 3.129m² (bản đồ Vlap 2011-2012) là do gia đình bà Nguyễn Thị U khai hoang từ năm 1979, trong quá trình quản lý sử dụng gia đình bà Nguyễn Thị U đã trồng các loại cây ổi, bơ, dừa và keo trên thửa đất. Năm 2006, UBND xã B đã lập biên bản kiểm kê tài sản trên đất để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ

khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, tuy nhiên dự án đã không thực hiện.

Năm 2011, UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị U về hành vi lấn, chiếm đất nhưng không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Năm 2016, UBND xã B lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà U và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà U tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016. Việc Chủ tịch UBND xã B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà U là không đúng quy định của pháp luật, vì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với bà U đã quá 02 năm.

Việc Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện B1 căn cứ vào các Quyết định số 3331/QĐ-UB ngày 20/11/1996 về việc phê duyệt Trung tâm Thị Tứ B và Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 13/9/2002 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất phục vụ sự nghiệp thể dục, thể thao của UBND tỉnh Quảng Ngãi cho rằng nguồn gốc của thửa đất số 118, tờ bản đồ 08, diện tích 3.129m² là của UBND do UBND xã B quản lý, là không có căn cứ pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Văn S là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện B1 và ông Nguyễn Thế T là người bảo vệ cho Chủ tịch UBND xã B trình bày:

Căn cứ các Quyết định số 3331/QĐ-UB ngày 20/11/1996 về việc phê duyệt Trung tâm Thị Tứ B và Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 13/9/2002 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất phục vụ sự nghiệp thể dục, thể thao của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về nguồn gốc của thửa đất số 118; tờ bản đồ 08; diện tích 3.129m² là do UBND xã B quản lý. Thực tế, bà Nguyễn Thị U có sử dụng 01 phần diện tích của thửa đất ở phía trong và hiện nay bà U đã xây dựng nhà ở tại thửa đất số 108 (bản đồ đo vẽ Vlap 2011-2012). Còn vị trí của thửa đất 118 là thuộc quy hoạch đất sân vận động, đất Quốc phòng do Quân đội huyện B1 quản lý theo Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 13/6/1997 của Thủ tướng Chính Phủ.

Tại thửa đất 118; tờ bản đồ 08; diện tích 3.129m² bà Nguyễn Thị U có sử dụng một phần diện tích để làm nhà xay xát máy gạo và 01 nhà tạm để bán hàng tạp hóa. Năm 2000 bà U có bán nhà xay xát gạo cho người khác. Bà U không sử dụng thửa đất 118, liên tục từ năm 1979 đến năm 2016. Bà Nguyễn Thị U đã có hành vi chiếm đất để trồng keo, làm vườn ươm keo chứ không có hành vi lấn đất. Tuy nhiên, do Điều luật ghi lấn chiếm nên tại Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 ghi bà U có hành vi lấn chiếm đất đai.

Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà U là đúng quy định pháp luật. Việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị U là đúng pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện, bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Án sơ thẩm giải quyết đúng pháp luật, người bị kiện kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 luật Tố tụng hành chính không chấp nhận đơn kháng cáo của người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Vào các ngày 07/7/2016; ngày 25/11/2016, ngày 30/11/2017 Chủ tịch UBND xã B ban hành các Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC; Quyết định số 168/QĐ-UBND; Quyết định số 150/QĐ-CCXP về việc xử phạt vi phạm hành chính; giải quyết khiếu nại và cưỡng chế quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Nguyễn Thị U. Ngày 08/8/2017, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 1609/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà U. Không đồng ý với các Quyết định của Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện B1. Ngày 26/11/2018 bà Nguyễn Thị U đã khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu TAND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết hủy các Quyết định nêu trên, nằm trong thời hiệu khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị U là do Chủ tịch UBND xã B ban hành là đúng quy định khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[3]. Xét kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch UBND xã B thì thấy: Ngày 10/8/2011 UBND xã B huyện B1 lập bản vi phạm hành số 04/BB-VPHC đối với bà Nguyễn Thị U do có hành vi lấn chiếm đất trái phép sân vận động để trồng keo, nhưng không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên đã hết thời hiệu.

Ngày 13/6/2016, sau khi khai thác keo Bà U tiếp tục tái lấn chiếm đất, làm nhà và vườn ươm keo, tại thửa đất số 118 tờ bản đồ 08 (đo vẽ Vlap 2011-2012),

đã được địa phương quy hoạch để làm cơ sở thể dục, thể thao nên đã bị UBND xã B đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 05. Do tính chất vụ việc phức tạp cần điều tra thu thập xác minh nên đến Ngày 07/7/2016, trong thời hạn 30 ngày Chủ tịch UBND xã B căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC lập Ngày 13/6/2016 để ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Nguyễn Thị U 5.000.000đ, theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính và điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 là đúng pháp luật.

Như vậy; Tòa cấp sơ thẩm nhận định Nguyễn Thị U bị lập biên bản vào năm 2011 đến năm 2016 Chủ tịch UBND xã B mới ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 100/QĐ-XPVPHC quá thời hiệu không chính xác nên cần phải cải sửa.

[4]. Về nguồn gốc của thửa đất số 118, bản đồ 08 (đo vẽ Vlap 2011-2012): Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thì, nguồn gốc thửa đất đang bị lấn chiếm 3.129m² là thửa đất số 118, tờ bản đồ 08 trước đây là sân bay nay quy hoạch cơ sở thể dục, thể thao theo Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 13/9/2002 và Quyết định số 3331/QĐ-UB ngày 20/11/1996 và UBND tỉnh Quảng Ngãi,

Về nguyên tắc nhà nước địa phương các cấp là chủ thể được nhà nước giao quyền quản lý đất đai theo quy định Tại Điều 7 Luật đất đai. Dù chưa thống kê đưa vào quản lý theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 thì mặt nhiên, là đất công cộng thuộc sở hữu nhà của nhà nước. Thì UBND thực hiện quyền của đại diện chủ sở hữu về đất đai theo pháp luật.

Tại phiên tòa Chủ tịch UBND xã B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện B1 trình bày bà Nguyễn Thị U sử dụng thửa 108, thửa 118 đất công cộng bà U lấn chiếm. Lời khai này phù hợp với biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng khu dân cư Thôn G ngày 11 tháng 06 năm 2014 và biên bản và Biên bản họp hội đồng tư vấn ngày 20/6/2014 .

[5]. Bà Nguyễn Thị U khai; bà đã sử dụng thửa đất này từ năm 1979 nhưng không có bất cứ tài liệu gì để chứng minh.

Theo báo cáo số 73/BC-UB ngày 04/7/2016 của UBND xã B năm 2016 và văn bản số 247/UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện B1 thì. Năm 2011 bà Nguyễn Thị U lấn chiếm đất sân vận động để trồng keo, Đến năm 2016 sau khi khai thác keo tiếp tục xây dựng móng nhà không phép. Ngày 26/01/2016 UBND xã B lập biên bản đình chỉ xây dựng nhà ở trái phép trên sân vận động.

Như vậy. Dù không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình nhưng bà U tự ý xây nhà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trên đất lấn chiếm đã được nhà nước quy hoạch, nên Chủ tịch UBND xã Ba ban hành Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 xử phạt hành chính đối với bà Nguyễn Thị U là có căn cứ,

Xét thấy việc xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã B tại Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên các Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số 150/QĐ-CCXP ngày 30/11/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã B và Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B1 đối với bà Nguyễn Thị U là đúng pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người bị kiện sửa án sơ thẩm.

[3]. Về án phí hành chính: Bà Nguyễn Thị U là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện B1 không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính. Sửa án sơ thẩm số 11/2019/HC-ST ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Điều 6; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Điều 3, Điều 5 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 3 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về việc đề nghị hủy toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 100/QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần 1; Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện B1 và Quyết định số 150/QĐ-CCXP ngày 30/11/2017 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND xã B.

2. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị U là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Chủ tịch UBND xã B và Chủ tịch UBND huyện B1 không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Chủ tịch UBND xã B 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và Chủ tịch UBND huyện B1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại các Biên lai thu số 0002690 và 0002691 cùng ngày 04/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra III - TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, LT, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tồn